

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **664** /2020/KDTM-PT
Ngày: 15-7-2020
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trinh

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Thảo

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 5, ngày 19 tháng 6 và ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2020/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2019/KDTM-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2339/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5649/2020/QĐPT-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5774/2020/QĐPT-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng công ty B; địa chỉ: 35 Phố T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện ủy quyền: Bà Đỗ Phương A; Ông Võ Thành Đ(văn bản ủy quyền ngày 19/5/2020); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Đ1- Chủ doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Dịch vụ C; địa chỉ: 77 Cư xá L, đường số S, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện ủy quyền: Bà Trần Thị Mộng T(văn bản ủy quyền ngày 26/12/2016); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Thanh T1– Luật sư của văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Công ty Cổ phần Trang trí nội thất P; địa chỉ: 317 đường T, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện pháp luật: Bà Hoàng Tuyết N- Giám đốc (xin vắng mặt).

3.2 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng M; địa chỉ: 02 Bis đường K, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Lê Trung N1 (Văn bản ủy quyền ngày 19/12/2016); xin vắng mặt;

3.3 Tổng Công ty D ; địa chỉ: 215 đường K, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Huy T2 (Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2020), (có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn - Tổng công ty B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2014, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M (gọi tắt là Công ty M) đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/HĐKT.Q10 với Doanh nghiệp tư nhân C. Theo đó, Công ty M giao cho Doanh nghiệp tư nhân C diện tích đất 800m² ở địa chỉ số 16A đường L (nối dài), Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đầu tư xây dựng làm xưởng sửa chữa máy phát điện và kho chứa vật tư hàng hóa.

Ngày 16/5/2014, Tổng Công ty B – công ty thành viên hạch toán phụ thuộc của B (gọi tắt là Công ty B) - đã ký kết các Hợp đồng bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt với các Công ty như sau:

- Ký Hợp đồng số HCM.D21.CFI.14.HD167 (0258-5958) với Công ty Cổ phần Trang trí nội thất P (gọi tắt là Công ty P), thời hạn bảo hiểm là từ 00:00 giờ ngày 16/5/2014 đến 00:00 giờ ngày 16/5/2015; đối tượng bảo hiểm là hàng hóa (hàng thiết bị vệ sinh, hàng trang trí nội thất) của Công ty P, số tiền bảo hiểm là: 16.640.543.512 đồng.

- Ký Hợp đồng số HCM.D21.CFI.14.HD165 (0258-5958) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng M (gọi tắt là Công ty M), thời hạn bảo hiểm là từ 00:00 giờ ngày 16/5/2014 đến 00:00 giờ ngày 16/5/2015; đối tượng bảo hiểm là hàng hóa (hàng thiết bị vệ sinh, hàng trang trí nội thất) của Công ty M, số tiền bảo hiểm là: 3.951.219.631 đồng.

Ngày 05/02/2015, tại kho D4 (thuộc diện tích đất 800m² như nêu trên) đã xảy ra hỏa hoạn, toàn bộ nhà kho D4 và hàng hóa tài sản trong kho đều bị thiêu rụi, trong đó có hàng hóa của Công ty P và Công ty M. Căn cứ vào hợp đồng bảo hiểm, Công ty B đã bồi thường cho Công ty P số tiền bảo hiểm là 12.756.130.367 đồng và Công ty M số tiền là 2.122.817.767 đồng.

Theo Kết luận số 05/KLXM ngày 07/5/2015 của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 (kết luận số 05) thì nguyên nhân của vụ cháy là do chập các dây điện tại gian số 14 nhà kho D4, gây nên hiện tượng chập mạch điện, cháy các dây điện, gây cháy lan

sang kho hàng của Công ty P và Công ty M. Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/HĐKT.Q10 ngày 02/01/2014 và sơ đồ Mặt bằng vị trí giao đất cho đối tác khu vực kho D4 số 16A đường L (nối dài), Phường H, Quận M thì Doanh nghiệp tư nhân C thuê và quản lý từ gian kho số 11 đến gian kho số 16 của kho D4. Mặt khác, nguồn điện để sử dụng tại vị trí kho trên cũng do Doanh nghiệp tư nhân C ký hợp đồng cung cấp điện với Công ty D. Căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự và Luật Điện lực, thì trong vụ việc này Doanh nghiệp tư nhân C có hai vai trò, vừa là người sử dụng và cũng là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ.

Vì vậy, căn cứ vào Điều 577, Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 17, Điều 49 của Luật Kinh doanh bảo hiểm, B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Ngọc Đ1- Chủ Doanh nghiệp tư nhân C (DNTN C) hoàn trả cho Công ty B các khoản tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi chậm trả theo quy định tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chưa thanh toán, bao gồm:

- 12.756.130.367 đồng mà B đã bồi thường cho Công ty P và 499.938.062 đồng tiền chi phí giám định thiệt hại đã trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giám định và Tư vấn kỹ thuật;

- 2.122.817.767 đồng mà B đã bồi thường cho Công ty M và 254.789.482 đồng tiền chi phí giám định thiệt hại đã trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giám định và Tư vấn kỹ thuật.

Tổng cộng: 15.633.675.678 đồng, bồi thường một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và đại diện bị đơn trình bày:

Công ty M giao cho DNTN C diện tích đất 800m² ở địa chỉ số 16A đường L, (nối dài) Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đầu tư xây dựng làm xưởng sửa chữa máy phát điện và kho chứa vật tư hàng hóa theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/HĐKT.Q10 ngày 02/01/2014 và sơ đồ Mặt bằng vị trí giao đất cho đối tác khu vực kho D4 (từ kho số 11 đến kho số 16). DNTN C là đơn vị sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ (điện) theo “Hợp đồng mua bán điện” ký kết với Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/7/2008. Đồng thời, DNTN C xác nhận bị đơn không có ý kiến gì về giá trị hàng hóa mà phía nguyên đơn đã bồi thường cho Công ty P, Công ty M và cũng không có ý kiến về số tiền chi phí giám định thiệt hại mà Công ty B đã trả.

Dựa vào kết luận số 05, nguyên đơn đã yêu cầu DNTN C bồi thường số tiền mà nguyên đơn đã bỏ ra bồi thường cho Công ty M và Công ty P với tổng số tiền 15.633.675.678 đồng, bị đơn không đồng ý vì:

- Kết luận số 05 đã có nhiều bất cập, mâu thuẫn nên không thể căn cứ vào Kết luận số 05 để cho rằng nguyên nhân cháy là do chập điện tại gian số 14 của kho D4;

- Tại Kết luận giám định số 2767/C09B của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/6/2019 (kết luận giám định số 2767) đã kết luận không đủ cơ sở xác định khu vực xảy ra cháy ban đầu, hướng cháy lan và nguyên nhân cháy.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty M và Công ty P đã có văn bản xác nhận đã nhận tiền bảo hiểm đầy đủ từ Bảo Việt, không còn liên quan, không có ý kiến gì và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án nhân dân Quận 11 giải quyết vụ

kiện.

Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty D trình bày:

Tổng Công ty D (gọi tắt PCPT) cung cấp điện và lắp đặt điện kế 3 pha theo yêu cầu của DNTN C vào ngày 31/10/2002 tại địa chỉ số 16A (nổi dài), đường L, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; mục đích sử dụng theo đăng ký của khách hàng: sửa chữa cơ điện lạnh; vị trí lắp đặt điện kế: lắp đặt bên ngoài nhà; thỏa thuận hợp đồng mua bán điện về ranh giới sở hữu tài sản và quản lý vận hành: ranh giới sở hữu tài sản của bên mua điện từ điểm đấu nối của dây mắc điện vào lưới công cộng (điểm đấu nối của lưới hạ thế) trở về phía sử dụng điện của khách hàng kể cả máy cắt bảo vệ điện kế. Điện lực chịu trách nhiệm quản lý vận hành từ cấp xuất hạ thế trở về phía lưới điện quốc gia. Từ khi lắp đặt điện kế cho đến khi vụ cháy xảy ra, PCPT không thực hiện di dời, thay đổi vị trí lắp đặt điện kế cũng như thay đổi vị trí đấu nối ban đầu.

Căn cứ vào kết luận xác minh số 05/KL-XM ngày 07/4/2015 của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1, nguyên nhân vụ cháy được xác định là do chập các dây điện tại gian số 14 trong nhà kho D4 của Công ty M. Căn cứ vào bản vẽ mặt bằng vị trí giao đất cho đối tác khu vực tại kho D4 của Công ty M thì vị trí lắp đặt điện kế của PCPT cấp điện cho DNTN C nằm tách biệt hẳn bên ngoài vị trí nhà kho D4 và cách rất xa khu vực gian kho số 14 là nơi chập điện gây cháy. Như vậy, hệ thống dây dẫn điện bị chập gây cháy không thuộc phạm vi quản lý của PCPT, do đó PCPT không có trách nhiệm bồi thường

Mặt khác, trước khi xảy ra vụ hỏa hoạn tại nhà kho D4, PCPT không nhận được bất kỳ ý kiến nào của bên mua điện phản ánh về những hiện tượng bất thường có thể gây ra mất điện, mất an toàn cho người và tài sản nên khi vụ cháy xảy ra có nguyên nhân từ sự mất an toàn trên đường dây dẫn điện thuộc phạm vi trách nhiệm đầu tư, trách nhiệm quản lý tài sản và quản lý vận hành của bên mua điện nên trách nhiệm hoàn toàn thuộc về bên mua điện là DNTN C.

Ông xác định Hợp đồng cung cấp điện giữa Tổng Công ty D và DNTN C có thời hạn đến ngày 10/7/2013. Từ đó đến khi vụ hỏa hoạn xảy ra vào năm 2015 hai bên chưa gia hạn hoặc ký thêm hợp đồng cung cấp điện nào khác. Tuy nhiên, theo Luật thương mại thì hoạt động cung ứng dịch vụ cung cấp điện vẫn tiếp tục theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng cũ nếu DNTN C tiếp tục sử dụng điện và thanh toán tiền điện đầy đủ trong thời gian các bên thỏa thuận ký gia hạn hoặc ký lại hợp đồng cung ứng dịch vụ mới.

Công ty điện lực không liên quan gì đến vụ cháy xảy ra tại số 16A ngày 05/02/2015.

Bản án sơ thẩm số 13/2019/KDTM ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Tổng công ty B về việc yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Đ1– Chủ Doanh nghiệp tư nhân C bồi thường thiệt hại số tiền 15.633.676.678 đồng (mười lăm tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi tám đồng).

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu là 123.633.676 đồng (một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 60.632.534 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0003593 ngày 16/11/2016 và số tiền tạm ứng án phí 39.776.072 đồng theo Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0003638 ngày 02/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; nguyên đơn còn phải nộp 23.223.928 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi tám đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/12/2019, Nguyên đơn Tổng công ty B kháng cáo Bản án sơ thẩm số 13/2019/KDTM ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu tòa án sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Nguyễn Ngọc Đ1– Chủ doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Dịch vụ C hoàn trả cho Tổng công ty B các khoản tiền mà công ty đã bồi thường cho Công ty P là 12.756.130.367 đồng + chi phí giám định thiệt hại đã trả cho công ty trách nhiệm hữu hạn Giám định và tư vấn Kỹ Thuật là 499.938.062 đồng và 2.122.817.767 đồng bồi thường cho Công ty M + chi phí giám định thiệt hại là 254.789.482 đồng; tổng cộng là 15.633.675.678, vì căn cứ theo kết luận số 05 ngày 07/5/2015 của cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 thì nguyên nhân vụ cháy là do chập các dây điện tại gian số 14 nhà kho D4, gây nên hiện tượng chập mạch, cháy các dây điện gây cháy sang kho hàng của Công ty P và Công ty M; Vì do Doanh nghiệp C thuê và quản lý từ gian kho số 11 đến gian kho số 16 của kho D4; Mặt khác, Doanh nghiệp tư nhân C ký hợp đồng cung cấp điện với Công ty D.

Đối với kết luận giám định số 2767/C09B của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/6/2019 là không chính xác, vì 04 năm sau mới giám định trên giấy tờ, không phải giám định thực tế lúc xảy ra hoả hoạn.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn và đại diện bị đơn trình bày: Không chấp kháng cáo của nguyên đơn, vì căn cứ kết luận giám định số 2767/C09B của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/6/2019 đã kết luận không đủ cơ sở xác định khu vực xảy ra cháy ban đầu, hướng cháy lan và nguyên nhân cháy.

Đối với kết luận số 05 là không đúng cơ quan giám định nên không để căn cứ vào kết luận 05 để cho rằng nguyên nhân cháy là do chập điện tại gian số 14 của kho D4.

Đại diện ủy quyền của Công ty D trình bày: Công ty D xác định có ký hợp đồng cung cấp điện có thời hạn đến ngày 10/7/2013. Từ thời gian đó cho đến khi xảy ra hỏa hoạn vào tháng 5/2015 hai bên chưa ký gia hạn hoặc ký thêm hợp đồng cung cấp điện nào khác. Tuy nhiên, theo luật thương mại thì hoạt động cung ứng dịch vụ cung cấp điện vẫn tiếp tục theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng cũ nếu Doanh nghiệp C tiếp tục sử dụng điện và thanh toán tiền điện đầy đủ trong thời gian các bên thỏa thuận ký gia hạn hợp đồng và ký lại hợp đồng mới. Công ty D không liên quan gì đến vụ cháy xảy ra tại số 16A đường L (nối dài) Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Vì theo thỏa thuận của Hợp đồng, về ranh giới sở hữu tài sản và quản lý vận hành: ranh giới sở hữu tài sản của bên mua điện từ điểm đấu nối của dây mắc điện vào lưới công cộng trở về phía sử dụng điện của khách hàng kể cả máy cắt bảo vệ điện kế. Điện lực chịu trách nhiệm quản lý vận hành từ cáp xuống hạ thế trở về lưới điện quốc gia. Nên Công ty điện lực không có ý kiến gì, đề nghị tòa xử theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán thực hiện đúng quy luật của pháp luật. Và tại phiên tòa hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định của pháp luật.

Các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn kháng cáo cho rằng căn cứ kết luận số 05 của cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 – Quận 7, nguyên nhân cháy là do chập các dây điện tại gian số 14 của Công ty C nên phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 15.633.675.678 đồng số tiền mà nguyên đơn đã bồi thường cho Công ty M và P. Xét thấy, kết luận số 05 chỉ là kết luận không có sự việc phạm tội xảy ra, không phải là cơ quan chuyên môn kết luận, Do vậy căn cứ kết luận giám định số 2767 của phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/6/2019 thì không có đủ cơ sở xác định khu vực xảy ra cháy ban đầu, hướng cháy lan và nguyên nhân cháy nên với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn - Tổng công ty B ủy quyền cho bà Đỗ Phương A và ông Võ Thành Đạt; Bị đơn - Bà Nguyễn Ngọc Đ1 – Chủ doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Dịch vụ C ủy quyền cho bà Trần Thị Mộng Thanh; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH Một thành viên sản xuất thương mại dịch vụ xây dựng M - ủy quyền cho ông Lê Trung N1 và Tổng công ty D ủy quyền ông Nguyễn Huy T2, việc ủy quyền này phù hợp với Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hoàng Tuyết N và ông Lê Trung N1 có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà theo quy định của pháp luật.

[2] Yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty B yêu cầu Tòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc bà Nguyễn Ngọc Đ1 – Chủ doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Dịch vụ C bồi thường cho Công ty B các khoản tiền mà Công ty B đã bồi thường cho Công ty M số tiền 2.377.607.249 đồng và bồi thường cho Công ty P số tiền 13.265.068.429 đồng.

Ngày 02/01/2014, Công ty M (là đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh) đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/HĐKT.Q10 với DNTN C. Với nội dung, Công ty M giao cho DNTN C diện tích đất 800m² ở địa chỉ số 16A đường L (nội dài), Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đầu tư xây dựng làm xưởng sửa chữa máy phát điện và kho chứa vật tư hàng hóa.

Theo hồ sơ vụ án đã thể hiện khu vực kho D4 số 16A đường L (nội dài), Phường H, Quận M thì DNTN C thuê và quản lý từ gian kho số 11 đến gian kho số 16 của kho D4.

Ngày 16/5/2015, Công ty B Sài Gòn Ký Hợp đồng số HCM.D21.CFL.14.HD167 (0258-5958) với Công ty Cổ phần Trang trí nội thất P, thời hạn bảo hiểm là từ 00:00 giờ ngày 16/5/2014 đến 00:00 giờ ngày 16/5/2015; đối tượng bảo hiểm là hàng hóa (hàng thiết bị vệ sinh, hàng trang trí nội thất) của Công ty P, số tiền bảo hiểm là: 16.640.543.512 đồng.

Và Ký Hợp đồng số HCM.D21.CFI.14.HD165 (0258-5958) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng M, thời hạn bảo hiểm là từ 00:00 giờ ngày 16/5/2014 đến 00:00 giờ ngày 16/5/2015; đối tượng bảo hiểm là hàng hóa (hàng thiết bị vệ sinh, hàng trang trí nội thất) của Công ty M, số tiền bảo hiểm là: 3.951.219.631 đồng.

Vào lúc 23 giờ 45 phút ngày 05/02/2015 đã xảy ra vụ cháy tại số 16A đường L (nối dài), Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ cháy đã gây thiệt hại cho Công ty P và Công ty M, Công ty B đã bồi thường cho Công ty M số tiền 2.377.607.249 đồng và bồi thường cho Công ty P số tiền 13.265.068.429 đồng.

Theo Kết luận xác minh số 05/KL-XM ngày 07/4/2015 của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 – Quận 7, nguyên nhân vụ cháy được xác định là do chập các dây điện tại gian số 14 nhà kho D4 và sự việc cháy kho D4 do nguyên nhân khách quan, không có sự việc phạm tội xảy ra. Và tại Văn bản số 129/DTHS ngày 12/9/2017 thì Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 cũng đã xác định tại thời điểm xảy ra vụ cháy, nguồn điện vào gian kho D4 chưa được ngắt.

Nguyên đơn - Tổng công ty B căn cứ vào Kết luận 05 nêu trên, đồng thời cho rằng nguồn điện để sử dụng do DNTN C ký hợp đồng cung cấp điện với Công ty D nên DNTN C là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ nên yêu cầu DNTN C bồi thường toàn bộ số tiền mà Công ty B đã bồi thường cho Công ty M và Công ty P.

Xét thấy, Kết luận xác minh số 05/KLXM ngày 07/4/2015 của Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 – Quận 7 chưa đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý để giải quyết vụ án. Kết luận được đưa ra nhưng lại không có ý kiến của Cơ quan chuyên môn về phòng cháy, chữa cháy. Điều này đã được Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 trả lời xác nhận tại Công văn số 112/DTHS ngày 16/8/2018. Và cũng tại Công văn số 112/DTHS, Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 cũng xác nhận sau khi xảy ra vụ cháy thì Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 không lập Biên bản khám nghiệm hiện trường mà chỉ có Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành hoạt động chữa cháy, đến ngày 07/02/2015, Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 mới tiếp nhận tin báo và tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Ngày 15/5/2019, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đã có Công văn đề nghị Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 đề nghị tiến hành giám định lại nguyên nhân xảy ra vụ cháy có ý kiến của Cơ quan chuyên môn về phòng cháy, chữa cháy.

Tại Kết luận giám định số 2767/C09B của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Không đủ cơ sở xác định khu vực xảy ra cháy ban đầu, hướng cháy lan và nguyên nhân cháy.

Căn cứ pháp lý để phát sinh bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 604 Bộ luật Dân sự 2005 thì phải hội đủ các yếu tố sau: Phải có thiệt hại xảy ra, phải có hành vi trái pháp luật, phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật, phải có lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý của người gây thiệt hại.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Kết luận giám định số 2767/CO09 ngày 18/6/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản trả lời số 72/DTHS của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 – Quận 7 ngày 08/7/2019 để cho rằng không đủ cơ sở xác định được khu vực cháy ban đầu là tại gian kho 14 thuộc các gian kho của DNTN C quản lý nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

Công ty Bảo hiểm Blà có căn cứ nên với yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt không có cơ sở xem xét.

[3] Từ nhận định trên, hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty B như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Các nội dung khác, các đương sự không kháng cáo, viện kiểm sát không kháng nghị nên giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty B không được chấp nhận nên phải chịu 2.000.000 đồng (nguyên đơn đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty B
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm
3. Không chấp nhận yêu cầu của Tổng công ty B về việc yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Đ1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân C bồi thường thiệt hại số tiền 15.633.675.678 đồng (mười lăm tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi tám đồng).
4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Tổng công ty B phải chịu là 123.633.676 đồng (một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng), được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 60.632.534 đồng theo Biên lai thu số AG/2014/0003593 ngày 16/11/2016 và số tiền tạm ứng án phí 39.776.072 đồng theo Biên lai thu số AG/2014/0003638 ngày 02/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; nguyên đơn còn phải nộp 23.223.928 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi tám đồng).
5. Án phí phúc thẩm: Tổng công ty B phải chịu 2.000.0000 đồng, được cản trừ vào số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0015234 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (Tổng công ty B đã nộp đủ).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 11;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trinh